

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2022/HS-PT

Ngày: 29-7-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hải Bằng.

*Các Thẩm phán:* Bà Vũ Thị Yên và ông Nguyễn Văn Lâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Công – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**  
Ông Phạm Văn Vững - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 79/2022/TLPT-HS ngày 27 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo Đỗ Văn T1 và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2022/HS-ST ngày 13/5/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

**- Bị cáo kháng cáo:**

1. **Đỗ Văn T1**, sinh năm 1981; Nơi cư trú: thôn Tư Đa, xã M1 Hòa, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Đỗ Quang T2, sinh năm 1955 và bà Lương Thị D1, sinh năm 1957; Bị cáo có vợ Trương Thị N1, sinh năm 1984 và có 03 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2008. Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 05/12/2021 đến ngày 07/12/2021, chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Thị P1**, sinh năm 1978; Nơi cư trú: KDC L, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 06/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Hữu D2 (đã chết) và Trương Thị D3, sinh năm 1957; Bị cáo có chồng Tô Văn T3 (đã chết) và có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/12/2021 đến ngày 07/12/2021, chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

3. **Vũ Văn M1**, sinh năm 1980; Nơi cư trú: thôn Đ, xã M, thị xã K, tỉnh Hải Dương; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 08/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Vũ Văn L (đã chết) và Nguyễn Thị V, sinh năm 1952; Bị cáo có vợ Mạc Thị X, sinh năm 1986 và có 01 con sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/12/2021 đến ngày 07/12/2021, chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Vụ án còn 2 bị cáo không kháng cáo, bản án không bị kháng nghị.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 15 phút ngày 05/12/2021, tại phòng ngủ nhà Đỗ Văn T1 các đối tượng gồm T1, Đ, T3, M1 rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh sâm. (T1 có 4.300.000 đồng, Đ có 500.000 đồng, T3 có 1.860.000 đồng, M1 có 12.190.000 đồng). Trong mỗi ván bài ai là người được sâm thì phải nộp cho T1 50.000 đồng tiền hồ. Ban đầu, Nguyễn Thị P1 và Trương Thị H ngồi xem không tham gia đánh bạc. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, khi bị thua bạc, Đ không chơi nữa nên P1 sử dụng số tiền còn lại của Đ (khoảng hơn 100.000 đồng) và số tiền của mình là 14.540.000 đồng để đánh bạc. Đến 13 giờ 20 phút cùng ngày thì bị phát hiện bắt quả tang. Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 5.660.000 đồng, thu giữ số tiền trên người các đối tượng sử dụng đánh bạc là 28.230.000 đồng (Trong đó T1 có 1.500.000 đồng; P1 có 14.540.000 đồng, M1 có 12.190.000 đồng). Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 33.890.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2022/HS-ST ngày 13/5/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương đã: Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 55 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đỗ Văn T1; khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị P1; khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Vũ Văn M1.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T1 19 tháng tù về tội “Đánh bạc”; 15 tháng tù về tội “Gá bạc”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 34 tháng tù, được trừ đi 03 ngày tạm giữ từ ngày 05/12/2021 đến ngày 07/12/2021, bị cáo còn phải chấp hành 33 tháng 27 ngày tù, thời gian chấp hành án tính từ ngày bắt thi hành án; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P1 19 tháng tù về tội “Đánh bạc”, được trừ đi 03 ngày tạm giữ từ ngày 05/12/2021 đến ngày 07/12/2021, bị cáo còn phải chấp hành 18 tháng 27 ngày tù, thời gian chấp hành án tính từ ngày bắt thi hành án; Xử phạt bị cáo Vũ Văn M1 18 tháng tù về tội “Đánh bạc”, được trừ đi 03 ngày tạm giữ từ ngày 05/12/2021 đến ngày 07/12/2021, bị cáo còn phải chấp hành 17 tháng

27 ngày tù, thời gian chấp hành án tính từ ngày bắt thi hành án. Ngoài ra, bản án còn quyết định về hình phạt đối với các bị cáo khác, hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Đỗ Văn T1, Nguyễn Thị P1, Vũ Văn M1 kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo T1 vắng mặt. Bị cáo P1, M1 giữ nguyên nội dung kháng cáo và xuất trình biên lai thu tiền án phí, tiền nộp hình phạt bổ sung của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tham gia phiên tòa sau khi phân tích các tình tiết trong vụ án xác định cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét kháng cáo của các bị cáo thấy rằng: Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xác định đúng vai trò của các bị cáo và xét xử mức hình phạt của các bị cáo tại bản án sơ thẩm là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo T1 không có tình tiết mới giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo T1; bị cáo P1, M1 đã tự nguyện nộp tiền án phí, tiền phạt theo quyết định bản án sơ thẩm, thể hiện sự ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ mới, các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo P1 có bố là thương binh, chồng bị cáo đã chết, bị cáo M1 có con còn nhỏ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho bị cáo P1, M1 được hưởng án treo. Bị cáo P1, M1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo T1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn luật định, là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại cấp sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận:

[2.1] Đỗ Văn T1 cho các đối tượng đánh bạc sử dụng nhà của mình làm địa điểm đánh bạc, có thu tiền hồ. Tổng số tiền đánh bạc là 33.890.000 đồng. Hành vi cấu thành tội gá bạc theo điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự: “*Tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trong cùng 1 lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên*”. Các bị cáo T1, Đ, T3, M1 và P1 đánh bạc với số tiền 33.890.000 đồng, hành vi của các bị cáo thỏa mãn cấu thành của tội đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự: “*đánh bạc trái phép bằng tiền với trị giá từ 5 triệu đến dưới 50 triệu đồng*”. Tòa án

cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đỗ Văn T1 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 và “Gá bạc” theo khoản 1 Điều 322, bị cáo Nguyễn Thị P1, Vũ Văn M1 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 là đúng.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của từng bị cáo thực hiện, nhân thân các bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quyết định xử phạt bị cáo Đỗ Văn T1 19 tháng tù về tội “Đánh bạc”; 15 tháng tù về tội “Gá bạc”; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P1 19 tháng tù về tội “Đánh bạc”; xử phạt bị cáo Vũ Văn M1 18 tháng tù về tội “Đánh bạc” là phù hợp.

[3.1] Về yêu cầu xin hưởng án treo của bị cáo Đỗ Văn T1: Trong vụ án này, bị kết án về hai tội, có vai trò cao trong vụ án. Xét thấy cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù để đảm bảo tính nghiêm M1 của pháp luật, nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung nên cần buộc bị cáo T1 phải chấp hành hình phạt tù.

[3.2] Về yêu cầu xin hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Thị P1 và bị cáo Vũ Văn M1: các bị cáo P1, M1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này các bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo P1 có bố là thương binh, chồng bị cáo đã chết, bị cáo M1 có con còn nhỏ (sinh năm 2019), các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo xuất trình biên lai thể hiện đã tự nguyện thi hành xong hình phạt bổ sung và án phí theo quyết định của bản án sơ thẩm thể hiện ý thức tự giác, chấp hành pháp luật. Xét thấy không cần bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, cho các bị cáo được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện là án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung đồng thời đảm bảo tính khoan hồng của pháp luật và nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội theo quy định tại Điều 3 Bộ luật hình sự.

[4] Về án phí: Bị cáo T1 kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; các bị cáo P1 và M1 kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đỗ Văn T1, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 39/2022/HS-ST ngày 13/5/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương đối với Đỗ Văn T1.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị P1, Vũ Văn M1, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 39/2022/HS-ST ngày 13/5/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn đối với Nguyễn Thị P1, Vũ Văn M1.

1.1 Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm c khoản 1 Điều 322; Điều 17, Điều 58; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 55 Bộ luật hình sự, xử phạt Đỗ Văn T1 19 (mười chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”; 15 tháng tù về tội “Gá bạc”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 34 (ba mươi tư) tháng tù, được trừ 03 ngày tạm giữ từ ngày 05/12/2021 đến ngày 07/12/2021, bị cáo còn phải chấp hành 33 tháng 27 ngày tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Thị P1 19 (mười chín) tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách 38 (ba mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường An Lưu, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 38; khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Vũ Văn M1 18 (mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M1 Hòa, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị P1, Vũ Văn M1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Đỗ Văn T1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án, ngày 29/7/2022./

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh HD;
- TAND thị xã Kinh Môn;
- CQCSĐT, CQTHAHS, CQHSNV - Công an thị xã Kinh Môn;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Các bị cáo;
- Lưu Tòa; lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Hải Bằng**